TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-ST
Ngày 19- 4 -2023
V/v *Tranh chấp về thừa kế tài sản (quyền sử dụng đất); Tuyên bố Hợp đồng tặng cho vô hiệu; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Mai

2. Ông Nguyễn Thanh Tân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2020 về việc: *"Tranh chấp về thừa kế tài sản; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 136/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 137/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022, Thông Bo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 03 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 15/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023, Thông Bo mở lại phiên tòa số 31/2023/TB-TA ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lương Hoàng D, sinh năm 1961; cư trú: đường T, phường M, thành phố L, tỉnh AG(Có mặt);

2. Bà Lương Thị Hồng D, sinh năm 1964; cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh AG (Vắng mặt);

3. Bà Lương Thị S, sinh năm 1967; cư trú: đường T, phường M, thành phố L, tỉnh AG (Có mặt);

4. Ông Lương Hồng A, sinh năm 1970; cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh AG(Có mặt);

5. Bà Lương Thị Kim L, sinh năm 1972; nơi cư trú: đường T, phường M, thành phố L, tỉnh AG (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà L: Ông Huỳnh Văn B – Luật sư của Văn phòng luật sư Huỳnh Văn B thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ: phường P, thành phố L, tỉnh AG(Có mặt);

6. Bà Lương Kiều M, sinh năm 1979; cư trú: đường Q, Phường 10, quận G, thành phố H (Vắng mặt);

7. Bà Lương Thị Kim D1, sinh năm 1981; cư trú: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh AG (Vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của bà Lương Kiều M, bà Lương Thị Kim D1: Lương Hoàng D, sinh năm 1961; cư trú: đường T, phường M, thành phố L, tỉnh AG(theo văn bản ủy quyền ngày 14/12/2017 và 10/3/2018);

- *Bị đơn:*

1. Bà Lương Thị Ánh H, sinh năm 1962; cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh AG(Có mặt);

2. Ông Lương Xuân M, sinh năm 1976; cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh AG(Có mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1984; cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh AG (Vắng mặt);

Đại diện theo ủy quyền của bà P: Ông Lương Xuân M, sinh năm 1976; cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh AG

3. Cháu Lương Yến V, sinh năm 2011; cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh AG; do ông Lương Xuân M, bà Nguyễn Thị P là người đại diện theo pháp luật;

4. Cháu Lương Gia H, sinh năm 2017; cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh AG; do ông Lương Xuân M, bà Nguyễn Thị P là người đại diện theo pháp luật

5. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962; cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh AG(Có mặt);

6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh AG;

7. Cháu Lương Quốc K, sinh năm 2006; cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh AG; do ông Lương Hồng A, bà Nguyễn Thị T là người đại diện theo pháp luật;

8. Cháu Lương Công T, sinh năm 2011; cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh AG; do ông Lương Hồng A, bà Nguyễn Thị T là người đại diện theo pháp luật.

9. Văn phòng công chứng A (nay là Văn phòng công chứng L), địa chỉ: ấp L, thị trấn C, huyện C, tỉnh AG (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn ông Lương Hoàng D và ông Lương Hồng A, Lương Thị Hồng D, bà Lương Thị Kim L, bà Lương Thị S thống nhất trình bày:

Cha là cụ Lương Thanh L1, sinh 1937, chết năm 2016, mẹ là cụ bà Hồ Thị M1, chết năm 1988. Cha mẹ chết không để lại di chúc, cụ L1, cụ M1 có 09 người con gồm: ông Lương Hoàng D, sinh năm 1961; Lương Thị Hồng D, sinh năm 1964, Lương Thị S, sinh năm 1967; Lương Hồng A, sinh năm 1970; Lương Thị Kim L, sinh năm 1972; Lương Kiều M, Lương Thị Kim D1, sinh năm 1981; Lương Thị Ánh H, sinh năm 1962; ông Lương Xuân M, sinh năm 1976. không có con nuôi, không con riêng. Tất cả đều còn sống.

Quá trình chung sống, cụ L1 và cụ M1 có để lại tài sản gồm:

1. Diện tích 6.000m^2 đất vườn, đo đạc thực tế là 7.457 m^2, do ông Lương Thanh L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH02284, thửa số 113, tờ bản đồ số 23 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 02/8/2012, trên đất có 200 cây xoài do ông Lương Thanh L1 trồng, diện tích đất này hiện nay do bà Lương Thị Ánh H, ông Lương Xuân M đang quản lý, sử dụng, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh AG, không thừa nhận và cũng không có việc cha lúc còn sống có ý định để đất làm hương quả. Yêu cầu Tòa án chia diện tích này làm 9 phần do ông A, bà D từ chối nhận di sản, nên 02 phần này giao cho các nguyên đơn, các cây xoài, vú sửa trên đất thì không yêu cầu Toà án giải quyết chia.

2. Các nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia diện tích 2.794m^2 do cụ L1 đứng tên nhưng đã tặng cho ông M quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03382, số thửa 83, số tờ bản đồ số 23 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp đổi ngày 05/10/2016, yêu cầu tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 17/9/2016 vô hiệu, do cụ L1 tại thời điểm tặng cho bị lú lẫn, không làm chủ được hành vi của mình và chia diện tích đất làm 9 phần.

Đối với các tài sản khác, có nguồn gốc từ ông L1 để lại, các đương sự đã tự thỏa thuận được, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể: Đối với diện tích đất 851,4 m^2 theo giấy chứng nhận số CH03551 do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 18/10/2012 cho ông Lương Hồng A đứng tên; diện tích đất 1632,0m^2 do ông Lương Hồng A đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH03551 do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 18/10/2012; diện tích 666,8m^2 theo giấy chứng nhận số 03252/pB tờ 52 thửa 11 do UBND huyện Chợ Mới cấp cho ông Lương Thanh L1 đứng tên. Các di sản trên các đồng nguyên đơn, bị đơn tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết; riêng diện tích đất 14.857m^2 theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số: 00520QSDĐ/pB do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 01/3/1994 thì các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lương Thị Ánh H đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 252.5m^2 cho ông Nguyễn Văn B và Lương Thị Hồng D nên các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ đối với các yêu cầu này, trường hợp các đương sự không thực hiện được như thoả thuận có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Đồng Bị đơn ông Lương Xuân M và bà Lương Thị Ánh H thống nhất trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông D về thời gian cha, mẹ chết, cha mẹ có 09 người con, không có con nuôi hay con riêng.

Đối với diện tích đo đạc thực tế sử dụng 7.457 m^2 do cha tôi là ông Lương Thanh L1 đứng tên. Trên đất có 124 cây xoài trên 8 tuổi, 52 cây xoài từ 4 đến 8 tuổi, 252 cây xoài từ 1 đến 4 tuổi và 1 cây vú sữa là do ông và bà H mua giống cây, thuê người về trồng từ năm 2007 (vì cha ông cụ L1 bệnh từ năm 1992).

Ông M, bà H rút yêu cầu phản tố về việc chia cây trồng trên diện tích đất 7.457m^2 do các nguyên đơn không yêu cầu chia.

Phần diện tích đất 7.457 m^2 đất này là dùng vào hương hỏa theo di chúc ngày 15/6/2009 do ông Lương Thanh L1 lập. Nhưng các nguyên đơn yêu cầu chia thì ông cũng đồng ý nhưng dành 01 kỷ phần dùng làm hương quả.

Đối với diện tích: 2.794m^2, do cha đã tặng cho ông và ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03382, số thửa 83, số tờ bản đồ số 23, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp đổi ngày 05/10/2016vì vậy ông không đồng ý chia và không đồng ý hủy giấy đỏ. Hiện ông đang canh tác, quản lý, sử dụng, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh AG

Ông B, bà H D thống nhất trình bày: vợ chồng bà đã đứng tên diện tích 252,5m^2 theo giấy chứng nhận 0332/QSDĐ/pB ngày 10/08/2000 nên vợ chồng ông bà không nhận phần di sản chia nữa, kỷ phần của bà dành cho các nguyên đơn khác. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên bà Ánh H trả lại nên ông, bà không yêu cầu trả giấy.

Ông Hồng A trình bày: ông từ chối nhận di sản thừa kế, nhưng phần của ông nhường lại cho các nguyên đơn khác. Về phần đất ông đứng tên sẽ thực hiện phân chia theo thỏa thuận.

Các đương sự thống nhất giá theo biên bản định giá ngày 28/10/2020, không yêu cầu định giá bổ sung.

Các đương sự thống nhất cho chi phí, định giá và đo đạc là 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn yêu cầu chia diện tích đất 7.457m^2 do cụ L1 đứng tên cho 9 người, không yêu cầu chia cây, giá trị cây trên diện tích đất 7.457m^2, yêu cầu tuyên hợp đồng tặng cho vô hiệu, yêu cầu hủy giấy chứng nhận đã cấp cho ông M đồng

thời chia diện tích 2.794m^2 cho 9 người, các đương sự không thỏa thuận được với nhau và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Các đương sự thống nhất không chia di sản theo di chúc hay văn bản tự thoả thuận mà chia theo pháp luật. Riêng ông M, bà H xin được dành 01 kỷ phần tức là chia di sản làm 10 phần, mỗi người 01 phần, 01 dùng dùng làm hương quả, 02 phần của ông A, bà D từ chối thì cộng lại chia cho các nguyên đơn để dùng làm hương quả.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của bà L trình bày: Các anh em tranh chấp chia thừa kế, huỷ giấy đề nghị Toà giải quyết theo quy định pháp luật. Về Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa lúc ông L1 đang bệnh, sau thời điểm tặng cho hai mươi mấy ngày sau thì ông L1 chết. Văn phòng Công chứng trả lời trình tự, thủ tục công chứng là không đúng, vì thời điểm cụ L1 tặng cho gần 90 tuổi. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà L được nhận đất hoàn kỷ phần cho bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

- Về tuân thủ pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; các đương sự chấp hành đúng pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung:

Xét thấy, năm 1988, cụ M1 chết thì phát sinh thừa kế của diện tích 2.794m^2 nhưng năm 2016, cụ L1 tự ý tặng cho ông M mà chưa có ý kiến của các thừa kế khác là trái pháp luật. Ngoài ra, giấy ra viện ngày 25/3/2016 của Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang, chẩn đoán cụ L1 "Lú lẫn tuổi già" đến ngày 17/9/2016, cụ L1 ký hợp đồng tặng cho đất qua ông M. Như vậy, cụ L1 đã có khó khăn trong nhận thức, không làm chủ hành vi nhưng lại ký tên tặng cho đất sang qua ông M là trái pháp luật quy định Điều 125 BLDS năm 2015.

Đối với yêu cầu chia cây trồng trên đất. Xét thấy, biên bản ngày 06/7/2022, các nguyên đơn cho rằng các cây xoài, trên diện tích 7.457m^2 là do cụ L1 trồng để lại và thống nhất, chỉ yêu cầu chia 124 cây xoài trên 08 tuổi, với giá trị 297.600.000 đồng; còn các cây trồng khác không yêu cầu chia; bị đơn ông M cho rằng 124 cây xoài trên 08 tuổi, do ông thuê người trồng từ năm 2007 đến nay nhưng ông không cung cấp chứng cứ, chứng minh nên có cơ sở xác định 124 cây xoài trên 08 tuổi là do cụ L1 trồng để lại. Từ đó, có căn cứ xác định diện tích 7.457m^2; diện tích 2.794m^2 và 124 cây xoài trên 08 tuổi theo biên bản xem xét, thẩm định và biên bản định giá ngày 28/10/2020 là di sản của cụ L1, cụ M1 tạo lập và hai cụ chết không để lại di chúc nên các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là có căn cứ theo quy định Điều 650 BLDS. Như vậy, di sản của cụ L1, cụ M1 sẽ chia thừa kế theo pháp luật cho 09 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Tuy nhiên, diện tích 7.457m^2; diện tích 2.794m^2 và 124 cây xoài, hiện nay, do ông M trực tiếp giữ gìn, quản lý, trồng cây nghĩ nên chia cho M thêm 01 kỷ phần là phù hợp.

Theo biên bản định giá: Diện tích 7.457m^2 có giá trị 447.420.000 đồng và diện tích 2.794m^2 có giá trị 83.820.000 đồng, tổng giá trị đất là 531.240.000 đồng; còn giá trị 124 cây xoài trên 08 năm tuổi, thành tiền 297.600.000 đồng. Như vậy, tổng

giá trị di sản là 531.240.000 đồng + 297.600.000 đồng thành 828.840.000 đồng, chia thành 10 kỷ phần.

Về nguyên đơn yêu cầu nhận đất để quản lý, làm hương quả. Xét thấy, diện tích 7.457m^2; diện tích 2.794m^2 và 124 cây xoài hiện nay, do ông M trực tiếp giữ gìn, quản lý, trồng xoài nghĩ nên giao cho ông M tiếp tục quản lý, sử dụng. Ngược lại, ông M có nghĩa vụ hoàn giá trị kỷ phần cho các thừa kế khác là bảo đảm nên không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông M liên quan diện tích 2.794m^2 mà chỉ hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan diện tích 7.457m^2 để điều chỉnh, sang tên từ cụ L1 qua cho ông M phần diện tích 7.457m^2 là bảo đảm.

Về nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới liên quan diện tích 2.794m^2 do ông M đứng tên. Xét thấy, như đã phân tích diện tích 2.794m^2 mà cụ L1 tặng cho ông M năm 2016 mà chưa có ý kiến của các thừa kế khác là trái pháp luật rồi được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp giấy cho ông M cũng trái pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay, ông M trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích 2.794m^2 thì giao cho ông M tiếp tục quản lý, sử dụng. Ngược lại, ông M có nghĩa vụ hoàn giá trị kỷ phần cho các thừa kế khác là bảo đảm nên không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông M liên quan diện tích 2.794m^2 theo yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn về chia thừa kế theo pháp luật; đình chỉ một phần khởi kiện của nguyên đơn về không yêu cầu chia thừa kế diện tích 1.632m^2; diện tích 951,8m^2 (đo thực tế 851,5m^2); diện tích 666,8m^2 (đất ở 303,3m^2, đất lâu năm khác 266,8m^2; thuộc hành lang giao thông 96,7m^2) và diện tích 252m^2; chấp nhận yêu cầu hủy giấy của nguyên đơn liên quan diện tích 7.457m^2; không chấp nhận yêu cầu hủy giấy của nguyên đơn liên quan diện tích 2.794m^2; không chấp nhận yêu cầu nhận đất làm hưởng quả của nguyên đơn; đồng thời, không chấp nhận phản tố của bị đơn bà H về yêu cầu nhận đất làm hương quả và đình chỉ phản tố của bị đơn bà H về không yêu cầu chia diện tích 1.632m^2; diện tích 951,8m^2 (đo thực tế 851,5m^2); diện tích 666,8m^2 (đất ở 303,3m^2, đất lâu năm khác 266,8m^2; thuộc hành lang giao thông 96,7m^2) và diện tích 252m^2.

Về án phí chia thừa kế: Các đương sự được hưởng thừa kế phải chịu án phí chia thừa kế theo quy định. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu theo quy định.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

- Chấp nhận khởi kiện, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn;

- Đình chỉ một phần khởi kiện của nguyên đơn về không yêu cầu chia thừa kế diện tích 1.632m^2; diện tích 951,8m^2 (đo thực tế 851,5m^2); diện tích 666,8m^2 (đất ở 303,3m^2, đất lâu năm khác 266,8m^2; thuộc hành lang giao thông 96,7m^2) và diện tích 252m^2;

- Xác định hàng thừa kế của cụ L1, cụ M1, gồm Lương Hoàng D, Lương Thị Hồng D, Lương Thị S, Lương Hồng A, Lương Thị Kim L, Lương Kiều M, Lương Thị Kim D1, Lương Thị Ánh H, ông Lương Xuân M;

- Xác định di sản, gồm diện tích 7.457m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH02284, ngày 02/8/2012 do cụ Lương Thanh L1 đứng tên; diện tích 2.794m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03382, ngày 05/10/2016 do ông Lương Xuân M đứng tên và 124 cây xoài trên 08 năm tuổi, chia thành 10 kỷ phần;

- Giao cho ông Lương Xuân M được quyền quản lý, sử dụng diện tích 7.457m^2; diện tích 2.794m^2 và 124 cây xoài theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 28/3/2019;

- Buộc ông Lương Xuân M có nghĩa vụ hoàn giá trị kỷ phần cho các thừa kế khác;

- Ông Lương Xuân M được quyền kê khai, đăng ký diện tích 7.457m^2 theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 28/3/2019 theo quy định;

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02284, ngày 02/8/2012, diện tích 7.457m^2 do cụ Lương Thanh L1 đứng tên;

- Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03382, ngày 05/10/2016, diện tích 2.794m^2 do ông Lương Xuân M đứng tên;

- Không chấp nhận yêu cầu xin nhận đất làm hưởng quả của nguyên đơn;

- Không chấp nhận phản tố của bị đơn bà Lương Thị Ánh H về yêu cầu nhận đất làm hương quả;

- Đình chỉ phản tố của bị đơn bà Lương Thị Ánh H về không yêu cầu chia diện tích 1.632m^2; diện tích 951,8m^2 (đo thực tế 851,5m^2); diện tích 666,8m^2 (đất ở 303,3m^2, đất lâu năm khác 266,8m^2; thuộc hành lang giao thông 96,7m^2) và diện tích 252m^2;

- Về án phí chia thừa kế: Các đương sự được hưởng thừa kế phải chịu án phí chia thừa kế theo quy định. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Căn cứ theo nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật: "*Tranh chấp dân sự về chia di sản thừa kế (quyền sử dụng đất); Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 Đất tranh chấp tọa lạc tại xã M, huyện Cvà có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án huyện Chợ Mới chuyển vụ án và Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã thụ lý nên Tòa án tỉnh tiếp tục giải quyết theo quy định pháp luật.

1.3 Trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn, bị đơn đã rút lại các yêu cầu chia di sản thừa kế:

- Đối với diện tích đất 951,4 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 03328QSDĐ/pB do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 10/8/2000 cho ông Lương Hồng A.

- Đối với diện tích đất 1632,0m^2 do ông Lương Hồng A đứng tên theo giấy chứng nhận số CH03551 do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 18/10/2012;

- Đối với diện tích 666,8m2 do ông Lương Thanh L1 đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03252/pB do UBND huyện Chợ Mới cấp.

Trên đất có 124 cây xoài trên 8 tuổi, 52 cây xoài từ 4 đến 8 tuổi, 252 cây xoài từ 1 đến 4 tuổi và 1 cây vú sữa trồng trên diện tích đất 7.457m^2 các nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, bị đơn cũng rút lại yêu cầu phản tố không yêu cầu chia các cây trên đất, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của các nguyên đơn, bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lương Thị Ánh H tự nguyện trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 252.5m2 cho ông Nguyễn Văn B và Lương Thị Hồng D. Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử nên xem xét giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu của ông Lương Xuân M về huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03551 do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 18/10/2012 cho ông Lương Hồng A đứng tên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03322QSDĐ/pB do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 10/8/2000 cho ông Nguyễn Văn B đứng tên.

Trường hợp, các đương sự có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

1.4. Ông Lương Thanh L1 ký Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất với ông Lương Xuân M được Công chứng Viên của Văn phòng công chứng A (nay là Văn phòng công chứng L) công chứng hợp đồng, ngày 03/10/2016 Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới điều chỉnh biến động cho ông Lương Xuân M đứng tên chủ quyền. Ngày 05/10/2016, ông M xin cấp đổi giấy và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp giấy mới cho ông Lương Xuân M đứng tên đất. Theo Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 04.3.2019 của Tòa án nhân dân Tối cao thì Tòa án không đưa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang tham gia tố tụng vì đất được cấp thông qua giao dịch, không phải cấp lần đầu.

1.5. Về Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất giữa ông Lương Thanh L1 với ông Lương Xuân M được Công chứng Viên của Văn phòng công chứng A công chứng hợp đồng vào lúc 15 giờ, ngày 17/5/2016, cùng với 02 người làm chứng Trần Văn Vuồn, sinh năm 1951 và ông Huỳnh Hoàng Giang, sinh năm 1970 chứng kiến. Do nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng, cho rằng ông L1 không minh mẫn, sáng suốt nên Toà án đưa Văn phòng công chứng A (nay là Văn phòng công chứng Lý Thành Dũng) tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 Tòa án tổ chức tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ, Văn phòng công chứng A (nay là Văn phòng công chứng L) đã có văn bản xác định thủ tục công chứng đúng quy định pháp luật.

1.6. Ông Lương Hồng A, bà Lương Thị Hồng D tự nguyện từ chối nhận di sản thừa kế; ông, bà yêu cầu kỷ phần của mình chia cho các thừa kế khác.

1.7. Các đương sự thống nhất giá theo biên bản định giá ngày 28/10/2020, không yêu cầu Tòa án định giá lại tài sản.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Cụ Lương Thanh L1, sinh 1937, chết năm 2016, cụ bà là bà Hồ Thị M1, chết năm 1988. Ông L1, bà My có 09 người con gồm: Lương Hoàng D, sinh năm 1961; Lương Thị Hồng D, sinh năm 1964, Lương Thị S, sinh năm 1967; Lương Hồng A, sinh năm 1970; Lương Thị Kim L, sinh năm 1972; Lương Kiều M, sinh năm 1979; Lương Thị Kim D1, sinh năm 1981; Lương Thị Ánh H, sinh năm 1962; ông Lương Xuân M, sinh năm 1976. Tất cả đều còn sống.

Theo di chúc ngày 15/6/2009 do ông Lương Thanh L1 lập, có xác thực của Ban nhân dân ấp Mỹ Long có kèm sơ đồ chi tiết về từng người con được nhận theo vị trí đất và diện tích đất cụ thể và dành 66,50m^2 cho hương quả (Bl 606, 607) và Tờ thuận phân chia do cụ L1 chia ngày 30/4/2012 được 09 con ruột và con rể (ông B) đã thống nhất ký tên cùng Trưởng ấp Mỹ Long xác nhận.

Xét, về hình thức là di chúc được lập thành văn bản, có xác nhận của cán bộ ấp và các con ký tên xác nhận, về nội dung thì thể hiện rõ ý chí, mong muốn của cụ Liêm chia đất cho tất cả các con và đất dùng làm hương quả. Tuy nhiên, tại phiên toà, các đồng nguyên đơn và đồng bị đơn đã tự nguyện thống nhất chia diện tích 7.457 m^2 do ông Lương Thanh L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH02284, thửa số 113, tờ bản đồ số 23 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 02/8/2012 (sau viết tắt: 7.457 m^2), không dùng làm hương quả. Ông M, bà Ánh H là người trực tiếp quản lý cũng đồng ý chia nhưng chỉ yêu cầu hưởng 01 phần để làm hương quả. Nên Hội đồng xét xử xem xét trên cơ sở tự nguyện của các bên không chia thừa kế theo di chúc, mà chia thừa kế theo quy định định pháp luật.

Thời điểm mở thừa kế là ngày 26/9/2016, tài sản đứng tên cụ L1 gồm có nhiều tài sản, nhưng các tài khác được các đương sự đã thoả thuận, hiện chỉ có tài sản là diện tích đất 7.457 m^2 do ông Lương Thanh L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH02284, thửa số 113, tờ bản đồ số 23 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 02/8/2012.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ L1 gồm 09 người con ruột: Ông Lương Hoàng D, bà Lương Thị Hồng D, bà Lương Thị S, ông Lương Hồng A, bà Lương Thị Kim L, bà Lương Kiều M, bà Lương Thị Kim D1, bà Lương Thị Ánh H, ông Lương Xuân M.

Xét, các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế di sản: Diện tích đất 7.457 m^2 do cha là ông Lương Thanh L1 đứng tên cho 9 phần và để cho ông D đại diện anh em nhận đất hoàn giá trị cho ông M, bà H, với lý do, bên nguyên đơn có 07 người nhiều hơn về số lượng nhận.

Xét thấy, ông D, bà L, bà M, bà D1, bà S đều có nơi cư trú ngoài huyện Chợ Mới, chỉ có ông A, bà H Dân thì cùng cư ngụ tại ấp M nơi có đất tọa lạc nhưng ông

A, bà D đã từ chối hưởng di sản của cụ L1. Hiện chỉ có ông M, bà H là người trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất trên, có công sức trong việc chăm sóc cây từ thời cụ L1 còn sống, cải tạo, trồng cây mới, các nguyên đơn cũng không yêu cầu chia cây trái trên đất. Hơn nữa, bà Ánh H, ông Xuân M đang thờ ông bà, dù từ ngày xảy ra mâu thuẫn anh em chia làm 2 cánh tổ chức lễ giỗ mỗi nơi nhưng ông M vẫn ở và là nơi thờ chính có căn nhà của cụ L1, cụ M1.

Về chia cắt làm 09 phần theo yêu cầu của nguyên đơn thì thấy, tách diện tích 7.457m^2 thì mỗi người được khoảng 828,5m^2, đây diện tích nhỏ, hạn chế khai thác giá trị đất; xoài được trồng trên các liếp nên khi chia cắt diện tích thì ranh giới của các thửa đất có khả năng sẽ đi qua thân, cành cây sẽ ảnh hưởng trong quá trình khai thác và sử dụng hiệu quả cây. Hơn nữa, các nguyên đơn không yêu cầu chia cây trên đất. Nên Hội đồng xét xử cân nhắc nên dành cho ông M, bà H được quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích đất 7.457 m^2 nhưng phải hoàn mỗi người kỷ phần tương đương với giá trị đất được hưởng.

Ông M, bà H có yêu cầu Toà xem xét, chia diện tích đất trên 10 phần, 01 phần dành cho hương quả, yêu cầu này là có cơ sở được chấp nhận. Như phân tích trên, ông M đang ở nơi thờ cúng cụ L1, cụ M1 và ông bà quá cố, thì 01 kỷ phần vẫn nhỏ hơn nhiều so đất hương quả mà di chúc của cụ L1 để lại. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của ông M, bà H được nhận thêm 01 kỷ phần dùng làm hương quả.

Diện tích 7.457 m^2 sẽ chia 10 phần gồm: ông Lương Hoàng D, bà Lương Thị S, bà Lương Thị Kim L, bà Lương Kiều M, bà Lương Thị Kim D1, ông Lương Hồng A, bà Lương Thị Hồng D, bà Lương Thị Ánh H, ông Lương Xuân M và 01 kỷ phần hương quả, mỗi kỷ phần 745,7 m^2. Riêng ông A, bà D không nhận, dành 02 kỷ phần này chia đều cho ông D, bà S, bà L, bà M, bà D1.

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất giá đất đã định theo Biên bản định giá ngày 28/10/2020, giá đất của diện tích 7.457m^2 có giá 60.000đ/01m^2, không yêu cầu định giá lại nên Hội đồng xét xử tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự. Như vậy mỗi kỷ phần được nhận: 745,7m^2 x 60.000đ/01m^2 = 44.742.000đ. 02 kỷ phần của ông A, bà D: 44.742.000đ x2 = 89.484.000đ/ 5người (D, S, L, D, M) = 17.896.800đ.

Như vậy, ông M, bà H được quyền đứng tên đối với diện tích 7.457 m^2 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH02284, thửa số 113, tờ bản đồ số 23 do UBND huyện Chợ Mới cấp ông Lương Thanh L1 ngày 02/8/2012, đồng thời bà H, ông M có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông D, bà S, bà L, bà M và bà D1 mỗi người 62.638.800đ (44.742.000đ +17.896.800đ).

Xét, yêu cầu của các nguyên đơn tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 17/9/2016 vô hiệu, yêu cầu chia diện tích 2.794m^2 hiện do ông M đứng tên chủ quyền và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03382, số thửa 83, số tờ bản đồ số 23 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp đổi ngày 05/10/2016.

Ngày 17/9/2016, ông Lương Thanh L1 ký Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất với ông Lương Xuân M được Công chứng Viên của Văn phòng công chứng A công chứng hợp đồng, cùng với 02 người làm chứng Trần Văn V, sinh năm 1951 và ông Huỳnh Hoàng G, sinh năm 1970 chứng kiến. Công chứng 02 địa điểm: ấp M, xã M, huyện C và tại Văn phòng công chứng, nên Văn phòng Công chứng có số: 04/2023/VPCC-CV ngày 09/3/2023 về trình tự, thủ tục, chủ thể tham gia, mục đích, nội dung giao kết đảm bảo tính hợp pháp, không trái đạo đức xã hội.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Cụ L1 ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng cho ông M được công chứng là đúng quy định pháp luật. Theo quy định của Bộ luật dân sự, Luật đất đai không buộc người tặng cho phải khám sức khỏe. Các nguyên đơn cho rằng: trong các giấy khám bệnh, giấy ra viện có chuẩn đoán cụ L1 lú lẫn tuổi già, nên ông L1 không minh mẫn khi thực hiện các giao dịch để làm cơ sở xác định hợp đồng vô hiệu là chưa đủ căn cứ. Bởi vì: để xác định một người hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự phải được cơ quan chuyên môn y khoa của Nhà nước kết luận, còn các nội dung của giấy ra viện chỉ là chuẩn đoán làm căn cứ khám chữa bệnh chưa phải là kết luận của cơ quan có thẩm quyền nên không đủ căn cứ xác định ông L1 hạn chế năng lực như các nguyên đơn lập luận. Văn phòng công chứng A nay là Văn phòng Công chứng L cũng đã gửi Văn bản xác định thủ tục công chứng đúng trình tự, thủ tục. Bên nguyên đơn không chứng minh được việc ông L1 ký hợp đồng tặng cho bị ép buộc, lừa dối, giả tạo được quy định tại các Điều 117, 122 đến 129 của Bộ Luật dân sự 2015; nên yêu cầu tuyên Hợp đồng tặng cho vô hiệu là không có căn cứ do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận. Ông L1 được UBND huyện Chợ Mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCN CH03382 ngày 02/10/2012 cấp cho cá nhân ông Lương Thanh L1, mà đất cấp cho cá nhân ông L1 thì ông L1 có toàn quyền tự định đoạt tài sản theo Điều 166, 167 của Luật đất đai 2013.

Tại Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 04.3.2019 của Tòa án nhân dân Tối cao thì thủ tục Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thông qua hợp đồng là *"thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của quyết định hành chính cá biệt; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền sẽ thực hiện việc đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở kết quả giao dịch có hiệu lực…. không đưa cơ quan có thẩm quyền trong việc cấp giấy tham gia tố tụng…"* theo nội dung Công văn trên, ông M đứng tên thông qua hợp đồng tặng cho hợp pháp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hủy giấy đã cấp cho ông M và diện tích đất 2.794m^2 hiện do ông M đứng tên, không còn là tài sản của cụ L1 nên yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn không được bị đơn chấp nhận, vì vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Về chi phí tố tụng (Toà án huyện Chợ Mới): đo đạc: 6.638.120đ (ông D tạm nộp), định giá: 2.000.000đ (ông D tạm nộp), tổng chi phí là: 8.638.120đ, chia cho 10 kỷ phần nên mỗi kỷ phần phải chịu 863.812đ, do ông D tạm ứng nên mỗi kỷ phần phải hoàn trả cho ông D, cụ thể: ông M, bà H: 2.591.436đ (làm tròn: 2.591.000đ); bà Lương Thị S, bà Lương Thị Kim L, bà Lương Kiều M, bà Lương Thị Kim D1 nhận kỷ phần của ông A, bà D nên mỗi người phải hoàn trả cho ông D: 1.209.336đ (làm tròn: 1.209.000đ), ông D phải chịu: 1.209.000đ)

Tại Toà án tỉnh: chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: 4.000.000đ, do ông M tạm ứng, phần ông M, bà H hưởng 03 kỷ phần nên phải chịu 1.200.000đ, ông D, bà S, bà L, bà M, bà D1 chịu: 2.800.000đ/5 = 560.000, mỗi người hoàn trả 560.000đ cho ông M.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự được hưởng di sản phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ông Lương Hoàng D, bà Lương Thị S, bà Lương Thị Kim L, bà Lương Kiều M, bà Lương Thị Kim D1 mỗi người được hưởng di sản: 62.638.800đ nên mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 3.131.900đ.

Ngoài ra, ông D, bà S, bà L, bà M, bà D1 phải chịu án phí không giá ngạch 300.000đ về yêu cầu tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không được chấp nhận.

Ông M, bà H rút lại yêu cầu chia cây trên đất và yêu cầu huỷ giấy nên ông, bà không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về tranh luận của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của bà L được chấp nhận một phần về chia thừa kế.

Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điều 34, điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 609, 611, 620, 645, 650, 651 Bộ luật dân sự 2015;

Các điều 5, 167, 168, 169 và Điều 203 Luật đất đai 2013;

Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế tài sản của đồng nguyên đơn đối với đồng bị đơn;

Xác định diện tích đất 7.457m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCN CH02284 do UBND huyện Chợ Mới cấp cho ông Lương Thanh L1 ngày 02/8/2012 là di sản thừa kế;

Ông Lương Xuân M, bà Lương Thị Ánh H được đứng tên quyền sử dụng đối với diện tích đất 7.457m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCN CH02284 do UBND huyện Chợ Mới cấp cho ông Lương Thanh L1.

Ông Lương Xuân M, bà Lương Thị Ánh H có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông D, bà S, bà L, bà M, bà D1 mỗi người 62.638.800đ.

Đình chỉ yêu cầu của đồng nguyên đơn chia các diện tích đất:

- Đối với diện tích đất 951,4 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 03328QSDĐ/pB do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 10/8/2000 cho ông Lương Hồng A.

- Đối với diện tích đất 1632,0m^2 do ông Lương Hồng A đứng tên theo giấy chứng nhận số CH03551 do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 18/10/2012;

- Đối với diện tích 666,8m2 do ông Lương Thanh L1 đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03252/pB do UBND huyện Chợ Mới cấp.

Đình chỉ yêu cầu của đồng nguyên đơn chia: 124 cây xoài trên 8 tuổi, 52 cây xoài từ 4 đến 8 tuổi, 252 cây xoài từ 1 đến 4 tuổi và 1 cây vú sữa trồng trên diện tích đất 7.457m^2.

Đình chỉ việc ông Nguyễn Văn B và Lương Thị Hồng D yêu cầu bà Lương Thị Ánh H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 03322/pB do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 10/8/2000 do ông Nguyễn Văn B.

Đình chỉ yêu cầu của ông Lương Xuân M về huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03551 do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 18/10/2012 cho ông Lương Hồng A và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03322QSDĐ/pB do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 10/8/2000 cho ông Nguyễn Văn B.

Đình chỉ yêu cầu của ông Lương Xuân M, bà Lương Thị Ánh H về yêu cầu chia giá trị cây trên diện tích đất: 7.457m^2.

Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 17/9/2016 vô hiệu.

Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn chia diện tích 2.794m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS03382 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 05/10/2016 cho ông M.

Không chấp nhận yêu cầu đồng nguyên đơn hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH03382 ngày 16/7/2012 do Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận biến động ngày 03/10/2016 và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp đổi ngày 05/10/016 cho ông Lương Xuân M.Các đương sự có trách nhiệm đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất, đăng ký biến động, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Ông D đã tạm ứng chi phí đo đạc và định giá là: 8.638.120đ, vì vậy bà Lương Thị S, bà Lương Thị Kim L, bà Lương Kiều M, bà Lương Thị Kim D1 mỗi người phải 1.209.000đ và có trách nhiệm phải hoàn trả cho ông D: 1.209.000đ, ông D phải chịu: 1.209.000đ; ông M và bà H phải chịu 2.591.000đ nên có trách nhiệm hoàn trả cho ông D 2.591.000đ;

Ông M đã tạm ứng chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 4.000.000đ, vì vậy ông D, bà S, bà L, bà M, bà D1 mỗi người phải chịu: 560.000đ, mỗi người có trách nhiệm phải hoàn trả 560.000đ cho ông M; ông M và bà H phải chịu 1.200.000đ.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông D phải chịu án phí 3.131.900đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.575.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0014494 ngày 25/10/2017, ông D còn phải nộp thêm 1.556.900đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Bà L phải chịu án phí 3.131.900đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.575.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0014498 ngày 25/10/2017, bà L còn phải nộp thêm 1.556.900đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Bà M phải chịu án phí 3.131.900đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.575.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0014497 ngày 25/10/2017, bà M còn phải nộp thêm 1.556.900đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Bà D1 phải chịu án phí 3.131.900đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.575.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0014496 ngày 25/10/2017, bà D1 còn phải nộp thêm 1.556.900đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Bà S phải chịu án phí 3.131.900đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.575.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0014492 ngày 25/10/2017, bà S còn phải nộp thêm 1.556.900đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Ông A không phải chịu án phí, hoàn trả 1.575.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0014493 ngày 25/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Bà D không phải chịu án phí, hoàn trả 1.575.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0014495 ngày 25/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Ông M, bà H được hưởng tổng giá trị: 134.226.000đ nên ông, bà phải chịu án phí: 6.711.300đ (làm tròn 6.711.000đ) nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Ông M được nhận lại 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000320 ngày 22/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Ông M được nhận lại 12.000.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0009358 ngày 28/12/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bà Ánh H được nhận lại 12.000.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0009359 ngày 28/12/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh AG;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên Tòa

Đào Chí Keo